



hiều tổn thương của các chính sách khai thác quá mức”, Nielsen nói.

Những phản hồi của những người đứng đầu các bộ lạc, những nhà khoa học, nghệ sĩ đương thời trong một số tác phẩm chọn lọc, có lẽ khiến người ta ám ảnh, ví dụ câu hỏi của nhà sinh thái học Suzanne Pierre “Với não trạng thực dân hóa, có phải mỗi thiên đường mới là một cuốn sổ kế toán?”

NHỮNG PHẢN CHIẾU ĐƯƠNG ĐẠI LÊN KHỦNG HOẢNG KHÍ HẬU

Một mã QR của triển lãm đưa những người dự triển lãm đến một trang web có biểu đồ các mức carbon dioxide từ năm 1000 đến nay. Đồ thị cho thấy một con dốc thoải cho đến những năm 1840, sau đó một đường dốc đi lên. Dữ liệu này, bên cạnh danh sách các mức carbon dioxide trong lịch sử tại thời điểm các tác phẩm được hình thành nhắc nhở người xem về chủ đề cấp thiết của triển lãm. Theo Anthony, điều đó có thể truyền cảm hứng cho các nhà vận động khí hậu trẻ như Greta Thunberg, người chia sẻ mức carbon dioxide trong năm mà họ sinh ra như một mốc đáng nhớ, “để chứng tỏ cách CO₂ tăng nhanh trong vòng đời ngắn ngủi của mỗi người, vì vậy con người ngày một quen thuộc hơn với các con số”.

Sự giao thoa giữa nghệ thuật, văn học và khoa học để khắc họa tự nhiên và quá trình công nghiệp hóa không chỉ tiết lộ sự tương liên cốt yếu của khoa học và nghệ thuật trong thế kỷ 19 mà còn chứng tỏ những miêu tả có ảnh hưởng đến hiểu biết ngày nay của chúng ta về hệ sinh thái. “Chúng ta biết rằng khủng hoảng khí hậu đã bị chính trị hóa”, McCurdy nói. “Những gì chúng ta đang cố gắng làm là ghi lại và lịch sử hóa nó”.

Năm 2019, nhà tiểu luận Brian Dillon viết rằng bài giảng về đám mây giông của Ruskin “đã xé toạc tinh thần tự kiểm chế thời đại Victoria và chỉ lên bầu trời một cách phẫn nộ mà từ đó những cơn ác mộng có thể đến rất nhanh”. Triển lãm này cũng được thiết kế với mục tiêu như thế, khi chọn lọc những hiện vật chính từ quá khứ để minh họa cho hiện tại, trong một thế giới khủng hoảng khí hậu. □

Tô Văn dịch

Nguồn: <https://www.smithsonianmag.com/history/how-artists-writers-and-scientists-of-the-past-documented-climate-change-180985199/>

Minh Hà-Dương

Lần đầu tiên khi ngắm nhìn bức tranh Thủy điện Thác Bà của Bùi Trang Chước, tôi không thể cảm nổi nó. Nghệ thuật sơn mài của Việt Nam thường diễn đạt những khung cảnh hùng vĩ và nên thơ – núi non, hồ nước, cánh đồng và hồ sen vốn đại diện cho vẻ đẹp thiên nhiên của vùng quê Việt Nam. Nhưng bức tranh sơn mài từ năm 1975 này, diễn tả đập thủy điện đầu tiên của đất nước, sừng sững giữa những ngọn núi mờ sương, thể hiện sự tương phản táo bạo: Một sự ngợi ca nghệ thuật về sự phát triển của nền công nghiệp.

Tác giả là một trong những nghệ sĩ và họa sĩ ảnh hưởng nhất Việt Nam, mặc dù con đường nghệ thuật của ông khác với những người bạn cùng thời. Tốt nghiệp với tấm bằng danh dự trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương năm 1941, ông tiếp nhận một quá trình đào tạo khắc nghiệt kết hợp giữa truyền thống châu Á và châu Âu. Khác với những người đồng môn như Lê Phổ (tốt nghiệp năm 1930) và Nguyễn Gia Trí (Tốt nghiệp năm 1936) ghi dấu tên tuổi trên thị trường quốc tế, Bùi Trang Chước (1915-1992) toàn tâm toàn ý cho thiết kế đồ họa và các nhiệm vụ đặt hàng từ nhà nước. Di sản còn đến ngày nay của ông nằm ở việc thiết kế Quốc huy Việt Nam, các bộ tem và thiết kế trên các tờ tiền mà giờ đây vẫn còn đang được sử dụng.

Đập thủy điện Thác Bà thể hiện sự độc đáo của người họa sĩ trong việc sử dụng nghệ thuật sơn mài của Việt Nam. Sự điêu luyện trong chất liệu của ông được chứng minh bằng khổ tranh paranoma (43x120 cm), mà ông thể hiện những sự tương phản dữ dội bằng những kỹ thuật truyền thống. Phần mặt nước tối màu được tạo ra bởi nhiều lớp sơn đen mài tới khi tối thẫm và bóng loáng, trong khi bầu trời sáng ánh lên là nhờ một quá trình tỉ mỉ chồng lớp và mài những lá bạc bên dưới những lớp sơn mài trong suốt. Khối cầu trúc bằng bê tông và thép của đập thủy điện uy nghi trong màu trắng và xám – nhờ việc khảm vỏ trứng và bột nhôm lên bề mặt – đối chọi với màu nước đen thẫm. Vùng xung quanh những ngọn núi trình diễn những hiệu ứng đặc trưng trong nghệ thuật sơn mài Việt Nam: màu xanh lá sống động tạo ra nhờ vào bụi oxit đồng và vàng rực rỡ hiện lên bằng cách xếp những lá vàng giữa những lớp sơn mài xanh lam trong suốt.

Đây không phải là bức tranh đầu tiên của ông về nền công nghiệp – trước đó ông còn có tác phẩm Vịnh Hạ Long (1960) và Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên (1970) tương tự cũng đặt công trình và hoạt động công nghiệp ở trái tim bức tranh. Kinh nghiệm của



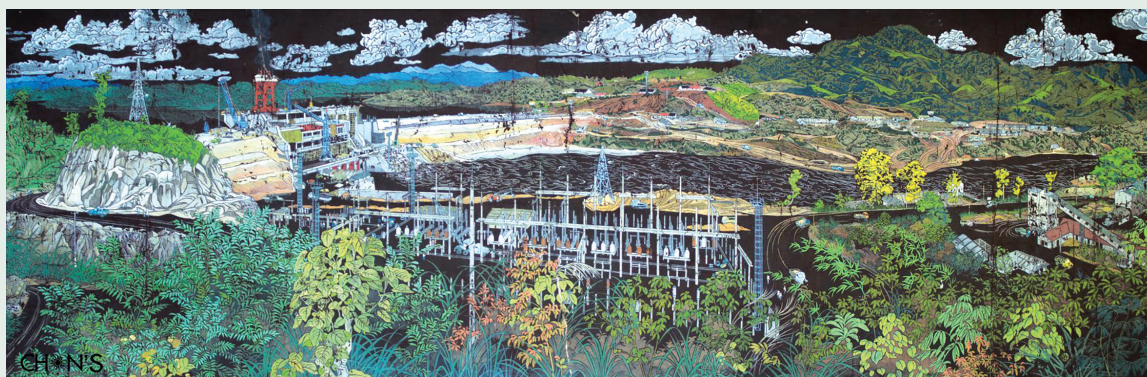
Bức tranh Thủy điện Thác Bà của Bùi Trang Chước

ông trong việc thiết kế tem và huy hiệu thể hiện sự chú ý đến chi tiết một cách tỉ mỉ - hãy nhìn vào cách ông diễn tả cột điện và đường dây truyền tải căng ra trong bố cục bức tranh, hay cấu trúc bê tông chi tiết của con đập.

Thời điểm và đối tượng của bức tranh năm 1975 này hàm chứa một ý nghĩa đặc biệt. Hoàn thành cùng với thời điểm thống nhất đất nước, Thủy điện Thác Bà là biểu tượng của sự bền bỉ và hợp tác quốc tế. Bản thân nhà máy phát điện, khánh thành năm 1971, được xây dựng nhờ vào hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ Liên bang Xô viết, trong giai đoạn Việt Nam vừa tiến hành cuộc chiến tranh giành độc lập

Sự kiện này đem đến một lớp phức tạp mới trong việc diễn giải bức tranh. Thứ từng là một biểu tượng thuần khiết về sự tiến bộ giờ đây mang một ý nghĩa thâm sâu hơn về sự mong manh và trách nhiệm. Là một chuyên gia về biến đổi khí hậu và các hệ thống điện, tôi không thể nhìn vào màu đen trong Đập thủy điện Thác Bà mà không liên tưởng đến những quan ngại về môi trường. Bức tranh đánh dấu khoảnh khắc bước ngoặt của những làn sóng thức tỉnh về môi trường vào những năm 1970 trên thế giới, ngợi ca những thành tựu về công nghệ nhưng cũng khơi gợi sự phản tư về phát triển bền vững.

Với tôi, Đập thủy điện Thác Bà vừa đại diện cho



vừa xây dựng XHCN. Dưới góc nhìn này, đối tượng công nghiệp với màu sắc nổi bật mang thêm một nghĩa nữa: Vùng nước đen của hồ nước nhân tạo và con đập bê tông ở phần đỉnh của bức tranh giống như ngọn cờ thể hiện quyết tâm hiện đại hóa của Việt Nam. Những đám mây trôi đối chọi với bầu trời đen đặc có thể hiểu là những biểu tượng của niềm hy vọng và thành tựu.

Ngày nay xem lại bức tranh này, sau sự cố sạt lở đập vào tháng 9/2024, chúng ta nhìn nó bằng một con mắt khác. Khung hoàng địa diễn ra rất dồn dập: những cơn mưa khủng khiếp ở Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Yên Bái khiến lưu lượng nước trong đập đạt mức kỉ lục trong lịch sử là 5.600m³/s, gần gấp đôi công suất xả lũ của đập. mực nước dâng cao nhanh chóng đạt 59.9m, gần chạm tới mức nguy cấp báo động là 61m. Hơn 11.000 người phải sơ tán.

Bức tranh đánh dấu khoảnh khắc bước ngoặt của những làn sóng thức tỉnh về môi trường vào những năm 1970 trên thế giới, ngợi ca những thành tựu về công nghệ nhưng cũng khơi gợi sự phản tư về phát triển bền vững.

cả thành công và thách thức. Dự án này đã xây nên hồ nhân tạo lớn nhất Việt Nam (235km²), là ngôi nhà của 1.300 hòn đảo và một hệ sinh thái sôi động đang nuôi dưỡng ngành thủy sản và du lịch ở địa phương. Nhưng thảm họa năm 2024 cũng chỉ ra rằng không chế thiên nhiên phức tạp hơn nhiều so với cái nhìn lạc quan mà bức tranh diễn tả. Những ngọn núi mờ sương mà Bùi Trang Chước khéo léo tạo hình giờ đây như mang đến một dự cảm không lành, như những trận mưa như trút có khả năng tung ra những trận lụt tàn khốc. □

Tia Sáng

Xuân Ất Tỵ
2025